

PHƯƠNG PHÁP CÁCH MẠNG VÀ PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH*

I. PHƯƠNG PHÁP CÁCH MẠNG HỒ CHÍ MINH

1. Nhận thức chung về phương pháp cách mạng Hồ Chí Minh

1.1. Quan niệm về phương pháp cách mạng Hồ Chí Minh

Phương pháp cách mạng là một bộ phận đặc biệt quan trọng trong cuộc đời, sự nghiệp và tư tưởng Hồ Chí Minh. Hồ Chí Minh là một nhà lý luận, một nhà hoạt động chính trị chuyên nghiệp. Người rất quan tâm giải quyết và giải quyết thành công trên cả hai phương diện chiến lược cách mạng và phương pháp cách mạng.

Trong tiến trình cách mạng Việt Nam, đường lối cách mạng và những tư tưởng chính trị đúng đắn của Hồ Chí Minh có vị trí vô cùng quan trọng. Song, chỉ có sự đúng đắn của đường lối cách mạng, tư tưởng chính trị, cũng chưa đủ để đưa cách mạng đến thành công. Tư tưởng chính trị, chiến lược cách mạng có được hiện thực hoá hay không, có trở thành phong trào cách mạng của quần chúng, được quần chúng tiếp nhận như một nhu cầu thiết yếu hàng ngày, định hướng hành động, biến thành sức mạnh vật chất trong đấu tranh của họ hay không còn phụ thuộc vào phương pháp cách mạng.

Quá trình vạch đường, chỉ lối và trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam đã hình thành trong Hồ Chí Minh một phương pháp cách mạng thích hợp, đầy tính sáng tạo và nhạy bén.

Hồ Chí Minh không có định nghĩa về phương pháp cách mạng. Song, Người lại có nhiều tác phẩm, trong đó vạch rõ cho những người cách mạng cách lãnh đạo, cách tổ chức, cách làm, cách học, cách vận động dân chúng cũng như cách thuyết phục kẻ thù, cách công, cách thủ khi đánh giặc, cách xây dựng đất nước cũng như cách bảo vệ Tổ quốc... Các cách thức đó đều mang tính nguyên tắc. Dựa vào các nguyên tắc đó những người cách mạng sẽ tự điều chỉnh hành động của mình, tự tìm kiếm cách thức và công cụ cụ thể để thực hiện nhanh nhất, có hiệu quả nhất nhiệm vụ được giao. Có thể nói, đó là phương pháp cách mạng Hồ Chí Minh.

Phương pháp cách mạng Hồ Chí Minh, hiểu theo nghĩa rộng là sự vận động của tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực tiễn, là những quy luật hoạt động mà theo đó tư tưởng chính trị của Người được hiện thực hoá. Theo nghĩa hẹp, phương pháp cách mạng Hồ Chí Minh là hệ thống các cách thức, biện pháp, quy trình hợp thành các nguyên tắc điều chỉnh và hướng dẫn hành động của các lực lượng cách mạng trong đấu tranh giành độc lập dân tộc, đưa đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Quan niệm trên có 3 yếu tố:

Thứ nhất, là các hình thức, biện pháp, quy trình hợp thành các nguyên tắc Hồ Chí Minh nhằm điều chỉnh, định hướng hành động cách mạng. Đây là nội dung cơ bản của phương pháp cách mạng Hồ Chí Minh.

Thứ hai, nêu rõ chủ thể hành động cách mạng là các lực lượng cách mạng, trong đó lực lượng lãnh đạo là đảng của giai cấp công nhân.

Thứ ba, chỉ rõ mục tiêu của hành động cách mạng là đấu tranh giành độc lập dân tộc, đưa đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Ba yếu tố trên tác động biện chứng với nhau, tạo thành một thể thống nhất. Không thể có một phương pháp thích hợp, đúng đắn khi mà lựa chọn các cách thức và quy trình vượt quá trình độ và khả năng của chủ thể hành động. Cũng không có phương pháp thích hợp khi mục tiêu, nhiệm vụ không rõ ràng, cụ thể. Với một chủ thể hành động cách mạng nhất định thì mục tiêu, nhiệm vụ vừa là cơ sở để xác định phương pháp, vừa là nội dung, tiêu chuẩn để đánh giá phương pháp có thích hợp hay không. Căn cứ vào mục tiêu, nhiệm vụ để xác định tổ chức, sắp xếp bố trí lực lượng nhằm thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ, là nghệ thuật lãnh đạo chỉ huy của người cách mạng. Tính đúng đắn, thích hợp, sáng tạo của phương pháp cách mạng Hồ Chí Minh là ở chỗ xác định đúng, rõ ràng mục tiêu, nhiệm vụ cách mạng; xác định và sắp xếp, bố trí hợp lý lực lượng cách mạng; xác định được các hình thức và biện pháp thích hợp với lực lượng cách mạng để hoàn thành nhiệm vụ đó.

1.2. Bản chất của phương pháp cách mạng Hồ Chí Minh

Lý luận và kinh nghiệm hoạt động cách mạng là cơ sở có tính quyết định, để hình thành phương pháp cách mạng Hồ Chí Minh. Song, thực trạng chính trị - xã hội, yêu cầu khách quan của lịch sử dân tộc Việt Nam cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX là cơ sở trực tiếp, quan trọng, để hình thành phương pháp cách mạng Hồ Chí Minh.

Những quan điểm của Hồ Chí Minh về phương pháp cách mạng trước hết xuất phát từ chủ nghĩa Mác - Lênin “cách mạng là sự nghiệp của quần chúng”, “quần chúng là người làm nên lịch sử”, bắt nguồn từ kinh nghiệm dựng nước và giữ nước của dân tộc ta qua hàng ngàn năm lịch sử”. Những quan điểm ấy còn đúc rút từ cả kinh nghiệm của các cuộc cách mạng tiêu biểu trên thế giới, đặc biệt là kinh nghiệm của cuộc cách mạng vô sản Nga năm 1917.

Tuy vậy, phương pháp cách mạng Hồ Chí Minh không phải là sự lắp ghép giản đơn những kinh nghiệm đã được tiếp thu. Trên cơ sở nắm vững lý luận cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin, nắm vững phép biện chứng duy vật, Hồ Chí Minh đã vận dụng sáng tạo vào cách mạng Việt Nam. Người tiếp thu có chọn lọc những kinh nghiệm quý báu của dân tộc, những phương pháp điều hành có hiệu quả của các nhà chính trị, quân sự lỗi lạc trong và ngoài nước để xác lập cho mình một phương pháp cách mạng thích hợp. Có thể tìm thấy trong phương pháp cách mạng Hồ Chí Minh tính nguyên tắc, bản chất cách mạng và khoa học triệt để của chủ nghĩa Mác - Lênin; cách thức của người Việt Nam trong đánh giặc giữ nước cũng như trong xây dựng đất nước; kinh nghiệm lịch sử hoá thân trong hiện tại, sức mạnh dân tộc hoà nhập với sức mạnh thời đại, lợi ích dân tộc thống nhất với lợi ích giai cấp. Cũng có thể thấy được trong phương pháp ấy chứa đựng tính kiên định, sắc sảo, nhạy bén của Lênin trong chỉ đạo cách mạng vô sản Nga; tính độc lập tự chủ, tự lực tự cường của Lý Thường Kiệt, lòng nhân ái bao dung của Nguyễn Trãi, tài thao lược quân sự của Trần Hưng Đạo và sức mạnh thần tốc của Nguyễn Huệ...

Năm 1911, Hồ Chí Minh ra nước ngoài không vì mục tiêu tìm sự giúp đỡ hay xin viện trợ tài chính mà để tìm đường cứu nước, học cách làm cách mạng: “Xem các

nước làm như thế nào để về giúp đồng bào mình”. Sau gần 10 năm bôn ba khắp thế giới, học làm thợ, học trong phong trào công nhân, học đấu tranh chính trị, học lý luận. .. đến năm 1920, trong tư duy của Người đã định hình một phương pháp cách mạng mới: phương pháp cách mạng vô sản phù hợp với điều kiện hoàn cảnh Việt Nam. Do đó, bản chất của phương pháp cách mạng Hồ Chí Minh là phương pháp cách mạng vô sản ở một nước thuộc địa, nửa phong kiến.

2. Nội dung cơ bản của phương pháp cách mạng Hồ Chí Minh

Trong hoạt động cách mạng, Hồ Chí Minh và những người cách mạng không thể chỉ dùng một phương pháp mà phải sử dụng nhiều phương pháp. Các phương pháp đó hợp thành một hệ thống, quan hệ với nhau tạo ra sức mạnh tổng hợp để đạt mục tiêu chung của cách mạng.

2.1. Phương pháp xác định mục tiêu, nhiệm vụ cách mạng

Trong hoạt động cách mạng, chủ thể hành động phải tự xác định được mục tiêu, nhiệm vụ cách mạng. Mục tiêu, nhiệm vụ xác định đúng, đủ, sát thực mới có thể lựa chọn được quy trình và các cách thực hiện thích hợp. Để xác định đúng mục tiêu, nhiệm vụ cách mạng, trong phương pháp cách mạng Hồ Chí Minh có những vấn đề cơ bản sau:

2.1.1. Xuất phát từ hiện thực xã hội Việt Nam, lấy cải tạo hiện thực làm mục tiêu hành động cách mạng

Hiện thực xã hội rất phong phú và sinh động. Những thập niên đầu thế kỷ XX, xã hội Việt Nam có nhiều biến động sâu sắc. Không phải ai cũng nhận thức đầy đủ những biến động đó. Đặc biệt, trong sự “vạn biến” sôi động của xã hội và dân tộc, nhận ra được cái “bất biến”, cái cơ bản, là thành công của Hồ Chí Minh.

Cuối thế kỷ XIX, thực dân Pháp xâm lược nước ta. Chúng biến nước Việt Nam phong kiến thành nước thuộc địa, nửa phong kiến, mọi quyền hành đều nằm trong tay người Pháp. Phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa trỗi lên phương thức sản xuất phong kiến lỗi thời, làm xuất hiện các giai cấp mới và phân hoá các giai cấp cũ. Giai cấp công nhân, giai cấp tư sản ra đời, giai cấp địa chủ phong kiến bị phân hoá mạnh mẽ. Kết cấu giai cấp - xã hội mới ở Việt Nam làm cho mâu thuẫn xã hội phức tạp và ngày càng sâu sắc hơn. Người Việt Nam chịu hai, ba tầng áp bức. Vì vậy, công cuộc giải phóng ở Việt Nam không chỉ là giải phóng dân tộc khỏi ách áp bức thống trị của ngoại bang mà còn giải phóng người lao động khỏi ách áp bức bóc lột của địa chủ, tư sản, mang lại tự do, bình đẳng và hạnh phúc cho con người. Đây chính là mục tiêu hành động cách mạng của Hồ Chí Minh.

2.1.2. Nắm vững quy luật phát triển của xã hội, xác định đúng mục tiêu, nhiệm vụ theo xu hướng vận động của lịch sử

Mục tiêu hoạt động của Hồ Chí Minh và những người cách mạng đều nhằm xoá bỏ chế độ thuộc địa, nửa phong kiến, xây dựng một xã hội mới tốt đẹp.

Những nhà yêu nước Việt Nam nổi tiếng đầu thế kỷ XX, như Phan Chu Trinh, Phan Bội Châu, Nguyễn Thái học... đều quan tâm tới việc xoá bỏ chế độ thuộc địa nửa

phong kiến ở Việt Nam. Ai cũng muốn xoá bỏ xã hội cũ, nhưng xây dựng xã hội mới như thế nào thì không phải ai cũng xác định đúng.

Năm 1917, Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga thành công, mở ra thời đại mới trong sự nghiệp phát triển của nhân loại, song nhiều người Việt Nam chưa nhận thức được hiện tượng mới mẻ này. Nhận xét về những phong trào yêu nước của Việt Nam lúc đó Nguyễn Ái Quốc cho rằng: họ “không hiểu chính trị và không biết tổ chức dân chúng”, nghĩa là họ không nắm được quy luật phát triển của xã hội.

Năm 1920, tiếp thu *Luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của Lênin, Hồ Chí Minh đã nhận thức được hướng phát triển của xã hội Việt Nam. Cùng với việc nghiên cứu lý luận Mác - Lênin, trực tiếp hoạt động trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Hồ Chí Minh đã thấy rõ quy luật phát triển của xã hội loài người sau Cách mạng Tháng Mười Nga. Quy luật đó là: “Chỉ có giải phóng giai cấp vô sản mới giải phóng được dân tộc, cả hai cuộc giải phóng này chỉ là sự nghiệp của chủ nghĩa cộng sản và của cách mạng thế giới”. Đây là quy luật của cách mạng thế giới. Song, quy luật đặc thù của cách mạng Việt Nam là gì? Sau một thời gian tìm tòi và xác định, năm 1930, Hồ Chí Minh chỉ rõ quy luật của cách mạng Việt Nam là làm “tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”.

Hồ Chí Minh luôn căn dặn những người cách mạng ở cương vị lãnh đạo hay thừa hành, trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân cũng như cách mạng xã hội chủ nghĩa đều phát xuất phát từ thực tiễn Việt Nam, phải nắm vững quy luật phát triển của cách mạng, phải tính toán cẩn thận những điều kiện cụ thể, những biện pháp cụ thể. Kế hoạch phải chắc chắn, cân đối. Chớ đem chủ quan mình thay cho điều kiện thực tế. Chính xuất phát từ thực tiễn Việt Nam, một nước thuộc địa nửa phong kiến mà trong thời kỳ cách mạng giải phóng dân tộc, Hồ Chí Minh kiên trì tư tưởng dân tộc trên hết, Tổ quốc trên hết. Tư tưởng trên đây của Hồ Chí Minh có lúc chưa được Quốc tế Cộng sản và một số đồng chí trong Đảng chấp nhận nhưng thực tế đã chứng tỏ sự đúng đắn, sáng tạo của Người.

Khi đất nước mới bước vào thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội, *một mặt*, Hồ Chí Minh đòi hỏi cán bộ, đảng viên phải đặc biệt coi trọng việc học tập kinh nghiệm quý báu của các nước anh em. *Mặt khác*, Người chỉ rõ: “Ta không thể giống Liên Xô, vì Liên Xô có phong tục tập quán khác, có lịch sử, địa lý khác... ta có thể đi theo con đường khác để tiến lên chủ nghĩa xã hội”⁽¹⁾. Hồ Chí Minh cũng đòi hỏi phải xây dựng tác phong điều tra, nghiên cứu trong mọi công tác cũng như trong khi định ra mọi chính sách của Đảng và Nhà nước... Muốn làm được điều đó phải tuân thủ phương pháp cách mạng Hồ Chí Minh là: Dùng lập trường quan điểm, phương pháp chủ nghĩa Mác - Lênin mà tổng kết kinh nghiệm của Đảng ta, phân tích một cách đúng đắn những đặc điểm của nước ta. Có như thế chúng ta mới có thể dần dần hiểu được quy luật phát triển của cách mạng Việt Nam, định ra được những đường lối, phương châm, bước đi cụ thể, thích hợp với tình hình đất nước.

2.2. Phương pháp xác định lực lượng và tổ chức lực lượng cách mạng

Xác định đúng và tổ chức thành công lực lượng cách mạng là nét đặc sắc trong phương pháp cách mạng Hồ Chí Minh. Người cho rằng: “Cách mạng là việc chung

cả dân chúng chứ không phải việc một hai người”⁽²⁾. Người đặt câu hỏi: “Ai là những người cách mệnh?” và trả lời: “Công nông là gốc cách mệnh, còn học trò, nhà buôn nhỏ, điền chủ nhỏ là bầu bạn của công nông”. Quan điểm “về bầu bạn của công nông” được Người làm rõ trong Chính cương vắn tắt và Sách lược vắn tắt. Hồ Chí Minh viết: Phải hết sức liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông (Thanh niên, Tân Việt, phái Nguyễn An Ninh) v.v.. để lôi kéo họ về phe giai cấp vô sản. Cụ thể hơn: phú nông, trung nông, trung, tiểu địa chủ và tư sản Việt Nam chưa rõ mặt phản cách mạng, thì phải lợi dụng, chí ít là làm cho họ trung lập.

Quan điểm Hồ Chí Minh về lực lượng cách mạng vừa vững chắc vừa rộng rãi. Quan điểm này không chỉ đúng trong cách mạng giải phóng dân tộc, mà trở thành nguyên tắc nhất quán khi đất nước bước vào xây dựng chủ nghĩa xã hội. Câu hỏi: “Ai xây dựng chủ nghĩa xã hội?” đã được Người giải đáp rành mạch: “Nói chung là những người lao động trong xã hội. Gồm công nhân, nông dân, trí thức v.v... Nhưng lực lượng chủ chốt xây dựng chủ nghĩa xã hội là công nhân”.

Những năm đầu thế kỷ XX, những người yêu nước Việt Nam chưa có được quan điểm về lực lượng cách mạng như Hồ Chí Minh. Họ tiến hành cách mạng một cách hồ đồ; hoặc xúi dân bạo động mà không bày cách tổ chức, hoặc làm cho dân quen tính ỷ lại, mà quên tính tự cường”⁽³⁾. Sự hạn chế của họ do nhiều nguyên nhân. Xét về mặt phương pháp, không xác định đúng tính chất, mục tiêu của cuộc đấu tranh mà mình tiến hành, không thấy hết sự phát triển đầy biến động, không nhận thức đúng quy luật vận động của xã hội Việt Nam nên họ không thể đề ra một phương pháp đấu tranh đúng đắn, thích hợp.

Qua nghiên cứu phương pháp cách mạng Hồ Chí Minh cũng thấy rõ sự phát triển của quan điểm về quần chúng cách mạng của Người so với các nhà kinh điển. Đối với C.Mác, Ph. Ăngghen, quần chúng cách mạng là công, nông. Đối với Lênin, trong cách mạng vô sản Nga, quần chúng cách mạng là công, nông và binh lính. Ở Việt Nam, Hồ Chí Minh quan niệm quần chúng cách mạng là “cả dân chúng”. Có được quan điểm ấy là do Người rất hiểu đất nước và con người Việt Nam trong quá khứ cũng như hiện tại. Người khẳng định: Dân khí mạnh thì quân lính nào, súng ống nào cũng không chống lại nổi. Sống ở một nước nông nghiệp, nông dân chiếm hơn 95% dân số, Người hiểu rất rõ rằng, chỉ với lực lượng của mình, nông dân không bao giờ có thể trút bỏ gánh nặng đang đè nén họ. Nhưng Người lại rất tin vào sức mạnh của nông dân khi được tổ chức. Người cho rằng: ở Việt Nam, hàng chục triệu nông dân luôn theo sự lãnh đạo của Đảng và Chính phủ, hăng hái vươn mình đứng dậy đánh tan ách nô lệ thực dân, phong kiến. Khéo tổ chức, khéo lãnh đạo thì lực lượng ấy sẽ làm xoay chuyển trời đất, bao nhiêu thực dân và phong kiến cũng sẽ thất bại trước lực lượng ấy.

Trong phương pháp cách mạng Hồ Chí Minh, lực lượng cách mạng được sắp xếp theo thứ tự sau:

- 1- Giai cấp công nhân - lãnh đạo cách mạng.
- 2- Giai cấp nông dân - cùng với công nông là gốc của cách mạng.

3- Tiêu tư sản trí thức.

4- Phú nông, trung, tiểu địa chủ, tư sản dân tộc.

5- Các cá nhân yêu nước.

6- “Bị áp bức dân tộc và vô sản giai cấp thế giới” là một lực lượng rất quan trọng.

Sự sắp xếp, bố trí lực lượng như trên biểu hiện tầm nhìn chiến lược chính trị sắc sảo và nhạy bén của Hồ Chí Minh. Quan điểm đó đã đúng trong đấu tranh giải phóng dân tộc và vẫn giữ nguyên giá trị trong công cuộc xây dựng đất nước hiện nay.

Theo Hồ Chí Minh, dân vừa là gốc vừa là chủ cách mạng, dân là lực lượng trong phương pháp lại là người sáng tạo ra các phương pháp thích hợp. Hồ Chí Minh khẳng định: “Lực lượng của dân chúng nhiều vô cùng”. Có lực lượng dân chúng, việc to tát mấy, khó khăn mấy làm cũng được. Không có, thì việc gì làm cũng không xong, dân chúng biết giải quyết nhiều vấn đề một cách giản đơn, mau chóng, đầy đủ, mà những người tài giỏi, những đoàn thể to lớn nghĩ mãi không ra”⁽⁴⁾.

Khẳng định sức mạnh to lớn của nhân dân, Người rất tâm đắc hai câu:

“Dễ mười lần không dân công chịu,

Khó trăm lần dân liệu cũng xong”⁽⁵⁾.

2.3. Phương pháp dĩ bất biến, ứng vạn biến

Dĩ bất biến, ứng vạn biến là một phương pháp cách mạng được Hồ Chí Minh quán triệt trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, đồng thời Người cũng yêu cầu những người cách mạng Việt Nam cần nhận thức đúng và vận dụng nhuần nhuyễn trong thực tiễn.

Lần đầu tiên chúng ta được biết đến phương pháp này khi Hồ Chí Minh trao nhiệm vụ thiêng liêng giữ gìn nền độc lập của Tổ quốc vừa giành lại được cho cụ Huỳnh Thúc Kháng, quyền Chủ tịch nước trước giờ Người sang Pháp (31-5- 1946).

Hồ Chí Minh và Huỳnh Thúc Kháng, hai vị tước nhỏ có tinh thần nồng nàn yêu nước đều hiểu sâu sắc rằng: cái bất biến chính là độc lập thống nhất của Tổ quốc, tự do và hạnh phúc của nhân dân, cho dù có khó khăn, gian khổ và phải hy sinh trong đấu tranh chính trị, quân sự, kinh tế và ngoại giao ở trong hay ngoài nước đều không được từ bỏ mục tiêu ấy.

Với Hồ Chí Minh độc lập thống nhất của Tổ quốc, tự do hạnh phúc của nhân dân là mục đích duy nhất, là *ham muốn tốt bậc* của Người. Do vậy, trước mọi sự đe dọa, dụ dỗ, trước những cách lung lạc, lay chuyển của kẻ thù, Hồ Chí Minh đều tuyên bố: “Cái mà tôi cần nhất trên đời là: đồng bào tôi được tự do, Tổ quốc tôi được độc lập”⁽⁶⁾. Khi thời cơ đến, Người đòi hỏi *dù có phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải dành cho được tự do độc lập*. Ngay cả khi đế quốc Mỹ sử dụng bom đạn và kỹ thuật quân sự hiện đại nhất “hòng đưa Việt Nam trở về thời kỳ đồ đá”, Hồ Chí Minh vẫn khẳng định quyết tâm của dân tộc Việt Nam: “Dù đế quốc Mỹ có đem đến đây 50 vạn quân, một triệu quân hoặc nhiều hơn nữa”, “dù chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm hoặc lâu hơn nữa. Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố xí nghiệp

có thể bị tàn phá. Song nhân dân Việt Nam quyết không sợ. *Không có gì quý hơn độc lập tự do*. Đến ngày thắng lợi nhân dân ta sẽ xây dựng lại đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn”⁽⁷⁾.

Không có gì quý hơn độc lập tự do là cái bất biến của Hồ Chí Minh và dân tộc Việt Nam, đồng thời cũng là chân lý của thời đại. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản vững vàng có chủ nghĩa Mác-Lênin “làm cốt”, làm “bàn chỉ nam”, nhân dân Việt Nam đã mang hết tài năng và của cải, trí tuệ và sinh mạng để giành và giữ gìn cái bất biến ấy. Lịch sử cách mạng Việt Nam trong thế kỷ XX đã chứng minh điều đó.

Theo Người, cách mạng phải lấy chủ nghĩa Mác - Lênin “làm cốt” có nghĩa là phải học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, dùng lập trường, quan điểm và phương pháp của chủ nghĩa ấy để giải quyết những vấn đề lý luận và thực tế hết sức phức tạp và sôi động trong suốt quá trình cách mạng Việt Nam. Nhưng nếu chỉ vì cái vận biến sôi động mà xa rời lập trường quan điểm, phương pháp của chủ nghĩa Mác-Lênin thì cũng đồng nghĩa với việc từ bỏ cái “bất biến”.

Trong thực tiễn cách mạng, dĩ bất biến nhưng phải ứng vận biến, ứng vận biến mà không xa rời chệch hướng, từ bỏ cái bất biến. Đó là phép biện chứng trong phương pháp cách mạng Hồ Chí Minh. Chính cuộc đời hoạt động cách mạng của Người là một điển hình, mẫu mực về xử lý mối quan hệ giữa tính kiên định về nguyên tắc và tính linh hoạt mềm dẻo về sách lược và cách thức thực hiện về quan hệ giữa mục tiêu lâu dài và mục tiêu trước mắt.

2.4. Phương pháp “tạo lực, lập thế, tranh thời, dùng mưu”, phát huy các nhân tố “thiên thời, địa lợi, nhân hoà”

Trong lãnh đạo, chỉ đạo cách mạng, Hồ Chí Minh rất coi trọng phương pháp kết hợp lực, thế, thời, mưu để giành thắng lợi lớn nhất mà tổn thất ít nhất. Về mối quan hệ giữa thế và lực, Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Quả cân chỉ một kilôgam, ở vào thế lợi thì lực của nó tăng lên nhiều, có sức mạnh làm bằng được một vật nặng hàng trăm kilôgam. Đó là thế thắng lực”⁽⁸⁾.

Hồ Chí Minh rất coi trọng vấn đề thời cơ, Người coi thời cơ là sức mạnh, là lực lượng. Trung thành với chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh luôn đòi hỏi những người cách mạng phải chăm chú theo dõi thời cơ, chủ động nắm bắt thời cơ và khi thời cơ đến phải kịp thời hành động. Về vai trò của thời cơ, trong bài *Học đánh cờ*, Hồ Chí Minh viết:

“Lạc nước hai xe đành bỏ phí

Gặp thời một tốt cũng thành công”.

Để phát huy cao nhất hiệu quả của lực, thế, thời, Hồ Chí Minh nhấn mạnh đến việc dùng mưu. Trong chỉ đạo chiến tranh, Người căn dặn “phải dụ giặc vào bẫy để đánh”, “tránh chỗ mạnh, đánh chỗ yếu, náo phía Đông, đánh phía Tây”. Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Du kích cũng như đánh cờ, mưu cao, kế khéo bao giờ cũng ăn”. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh lực, thế, thời, mưu có quan hệ chặt chẽ với nhau, tạo điều kiện cho nhau. Thế và lực vận động sẽ tạo nên thời, biết dùng mưu thì hạn chế chỗ mạnh

của địch, phát huy điểm mạnh của ta, tạo nên những chuyển biến về chất để giành thắng lợi quyết định.

Trong đấu tranh giành độc lập dân tộc cũng như trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Hồ Chí Minh rất coi trọng phương pháp kết hợp các yếu tố “thiên thời, địa lợi, nhân hoà”. Theo Hồ Chí Minh, trong ba nhân tố trên thì “nhân hoà” là quan trọng nhất, là nhân tố quyết định. Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Trong hai phe giao chiến, phe nào có đầy đủ điều kiện nhân hoà là phe ấy thắng. Chỉ phe nào vì chính nghĩa mà chiến đấu, phe ấy mới có đủ điều kiện nhân hoà”⁽⁹⁾. Khi miền Bắc bước vào thời kỳ xây dựng, thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1960 - 1965), Hồ Chí Minh khẳng định: chúng ta có đủ ba điều kiện thuận lợi thiên thời, địa lợi, nhân hoà để xây dựng chủ nghĩa xã hội, toàn Đảng, toàn dân cần phải kết hợp và vận dụng khéo ba điều kiện đó vào việc xây dựng kinh tế ở miền Bắc.

“Tạo lực, lập thế, tranh thời, dùng mưu” kết hợp chặt chẽ với “thiên thời, địa lợi, nhân hoà” sẽ tạo nên sức mạnh vô địch. Hồ Chí Minh khẳng định: “Lòng yêu nước của đồng bào, nhập với hình thế hiểm trở của núi sông, thành một lực lượng vô địch, nó đã đánh tan cuộc tấn công của thực dân”⁽¹⁰⁾.

II. PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH

1. Nhận thức chung về phong cách và phong cách Hồ Chí Minh

Khái niệm phong cách được bàn đến từ lâu ở phương Đông và phương Tây. Phong cách được hiểu theo hai nghĩa sau:

Thứ nhất, phong cách là cách thức riêng thể hiện ở các tác phẩm (công trình) văn hoá, nghệ thuật của một tác giả, một nghệ sĩ, một thời đại một xứ sở.

Thứ hai, phong cách bao gồm phong độ, phẩm cách của con người. Phong độ là dáng vẻ, sắc thái bề ngoài. Phẩm cách là cách ứng xử, giao tiếp, cung cách hoạt động, thể hiện những phẩm chất về tư tưởng, tình cảm, nội tâm bên trong của con người.

Phong cách mà chúng ta đề cập trong bài này được hiểu chủ yếu theo nghĩa thứ hai.

Phong cách hình thành và chịu tác động của các điều kiện tự nhiên, môi trường, văn hoá, xã hội và kinh tế... qua các thời kỳ phát triển của lịch sử, phong cách người Việt Nam không giống phong cách người Trung Hoa và khác với phong cách người Pháp, người Mỹ. Ngay trong một quốc gia cũng có thể có phong cách khác nhau.

Đối với một người thì phong cách có đặc điểm gắn với truyền thống, tập quán, thói quen do hoàn cảnh sống của người đó quy định, đồng thời nó mang dấu ấn cá nhân rất rõ. Con người có thể tiếp thu những truyền thống tốt, tập quán đẹp và khắc phục thói quen xấu ở mức độ như thế nào hoàn toàn phụ thuộc vào *trình độ* và *khí chất* của người đó. Cùng một hoàn cảnh sống như nhau nhưng ở từng người có phong cách không hoàn toàn giống nhau.

Phong cách Hồ Chí Minh là phong cách của người Việt Nam. Song, đây là phong cách của một con người với cái tâm trong sáng, cái đức cao đẹp, cái trí mẫn tuệ, cái hành mực thước, phong cách của một lãnh tụ, một chiến sĩ cộng sản chân chính, công dân số một của Việt Nam. Đó là phong cách của người anh hùng giải phóng

dân tộc, đồng thời cũng là nhà văn hoá kiệt xuất của nhân loại. Phong cách Hồ Chí Minh không phải chỉ để cho mọi người ca ngợi, chiêm ngưỡng, sùng bái mà là tấm gương để mọi người noi theo, học tập. Không phải chỉ người Việt Nam, từ lao động chân tay đến người lao động trí óc, từ già đến trẻ, từ miền xuôi đến miền ngược, từ người tu hành đến các chính khách, thương gia đều tìm thấy ở Hồ Chí Minh phong cách của chính mình, mà cả người nước ngoài ở phương Đông hay phương Tây cũng cảm thấy gần gũi, không xa lạ với phong cách Hồ Chí Minh.

Phong cách có liên quan chặt chẽ với đạo đức, song phong cách không phải là đạo đức mà là những phẩm chất đạo đức được nhận thức và được thể hiện ra trong hoạt động sống của con người. Nói phong cách khiêm tốn, giản dị chính là phẩm chất đạo đức cần, kiệm, liêm, chính được con người nhận thức và thể hiện trong cuộc sống đời thường. Song mức độ khiêm tốn giản dị cũng khác nhau ở những con người khác nhau.

Phong cách Hồ Chí Minh là một chỉnh thể, phát triển theo lôgic đi từ suy nghĩ (phong cách tư duy) đến nói, viết (phong cách diễn đạt) và biểu hiện ra qua hoạt động sống hàng ngày (phong cách làm việc, phong cách ứng xử, phong cách sinh hoạt).

2. Hệ thống phong cách Hồ Chí Minh

2.1. Phong cách tư duy

Mục đích tư duy của Hồ Chí Minh là suy nghĩ từ những cứ liệu thực tiễn Việt Nam, từ những di sản tư tưởng của những người lớp trước và những người đương thời để đi tới xác định tư tưởng của chính mình. Tư tưởng Hồ Chí Minh là kết quả của một quá trình tư duy khoa học. Phong cách tư duy đóng vai trò trực tiếp dẫn đến việc xác lập tư tưởng Hồ Chí Minh. Mặt khác, căn cứ để tìm hiểu phong cách tư duy Hồ Chí Minh lại chính là tư tưởng Hồ Chí Minh được thể hiện trong các di cáo và hành động của Người. Đồng thời, cũng cần tìm hiểu phong cách tư duy Hồ Chí Minh thông qua đường lối, quan điểm của Đảng và những học trò gần gũi với Người, đã quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh để đưa cách mạng Việt Nam đến thắng lợi.

2.1.1. Nét đặc sắc nhất, cái bản chất nhất của phong cách tư duy Hồ Chí Minh là độc lập, tự chủ và sáng tạo

Với Hồ Chí Minh độc lập là không lệ thuộc, không phụ thuộc, không bắt chước, theo đuôi, giáo điều. Tự chủ là chủ động suy nghĩ và làm chủ suy nghĩ của mình, tự chịu trách nhiệm trước dân, trước nước, biết làm chủ bản thân và công việc. Sáng tạo là vận dụng đúng quy luật chung cho phù hợp với cái riêng, cái đặc thù. Đồng thời sáng tạo cũng là tìm tòi, đề xuất những cái mới mà có thể trả lời được những đòi hỏi của cuộc sống đặt ra. Cái mới sáng tạo của Hồ Chí Minh là cái mới phù hợp với quy luật khách quan của cách mạng Việt Nam, đồng thời phù hợp với quy luật phát triển chung của xã hội loài người. Cái mới có thể bao hàm giá trị của cái cũ nhưng vượt lên trên và bổ sung giá trị mới. Cái mới cũng là cái chưa có tiền lệ trong lịch sử.

Nhờ phong cách tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo của Hồ Chí Minh mà những quy luật của cách mạng Việt Nam được phát hiện. Chính các quy luật đó đã xác lập nên hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh.

Tư duy độc lập, tự chủ ở Hồ Chí Minh có từ rất sớm. Nó phát triển và trở thành sáng tạo khi Hồ Chí Minh tiếp nhận phương pháp tư duy khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin với hạt nhân cơ bản là phép biện chứng duy vật. Bằng phương pháp tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo, Hồ Chí Minh và Đảng ta đã tìm ra những cách đánh địch chưa có trong từ điển, cũng như kinh nghiệm quân sự thế giới, đã tạo ra các phương thức đấu tranh có thể coi là kinh điển của phong trào giải phóng dân tộc, đã làm nên những thắng lợi có ý nghĩa thời đại, làm sụp đổ chủ nghĩa thực dân cũ và mở đầu thất bại của chủ nghĩa thực dân mới trên phạm vi thế giới. Cũng chính bằng phương pháp tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo, Hồ Chí Minh đã đưa Việt Nam, một nước kinh tế kém phát triển đi lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa trong điều kiện thế giới đầy biến động.

2.1.2. Những nguyên tố trong phong cách tư duy Hồ Chí Minh

Thứ nhất, tư duy trên những cứ liệu thực tế Việt Nam.

Mọi trăn trở suy nghĩ của Hồ Chí Minh đều nhằm cái đích là cứu nước, cứu dân, là làm sao cho dân giàu, nước mạnh, ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành, mọi người dân sống tự do, ấm no, hạnh phúc. Tuy nhiên tư duy của Hồ Chí Minh không chỉ dừng lại ở chỗ tìm đường mà còn tìm cách hiện thực hoá con đường đã tìm thấy cho cách mạng Việt Nam.

Việc tìm đường và dẫn đường cách mạng Việt Nam của Hồ Chí Minh đều xuất phát từ thực tế Việt Nam. Đó là thực tế đã được nhận thức đúng đắn, gạt bỏ những tính phiến diện, bề ngoài, sai lệch mà tư duy thường ngày dễ mắc phải. Đó là thực tế đã được nhận thức dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác-Lênin, bằng phương pháp biện chứng duy vật để phân tích cụ thể tình hình cụ thể của cách mạng Việt Nam. Thực tế mà Hồ Chí Minh cần nắm được là thực tế với bản chất bên trong của nó, với những đặc điểm, mâu thuẫn nội tại và phát hiện ra những quy luật vận động của đất nước, dân tộc để hoạch định đường lối, chủ trương đúng và tổ chức thực hiện thành công đường lối, chủ trương đó.

Xuất phát từ thực tế Việt Nam để tư duy đã làm cho phong cách tư duy Hồ Chí Minh vượt lên so với các nhà yêu nước thuộc thế hệ trước và cùng với thời Hồ Chí Minh.

Thứ hai, rộng mở tư duy trên cơ sở nghiên cứu, nắm bắt các tư tưởng và học thuyết đã có.

Trước khi đến với chủ nghĩa Mác-Lênin, Hồ Chí Minh đã theo học Nho học, tiếp cận Phật giáo, Thiên chúa giáo, làm quen với tư tưởng của các nhà khai sáng và cách mạng tư sản Tây Âu. Sau khi đến với chủ nghĩa Mác-Lênin, Hồ Chí Minh còn tìm hiểu chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn (Trung Quốc), thuyết Bất bạo động của Găngđi (Ấn Độ).

Ở Hồ Chí Minh không có sự thành kiến đối với bất kỳ tư tưởng, học thuyết nào. Trung tâm sự suy nghĩ của Hồ Chí Minh là rút ra những gì cần thiết cho cách mạng Việt Nam phù hợp với dân tộc Việt Nam, giúp cho sự nghiệp giải phóng dân tộc và phát triển đất nước. Người suy ngẫm so sánh, chất lọc điều hay lẽ phải, phân biệt đúng sai, hay dở, tiến bộ hay lạc hậu, phù hợp hay không phù hợp với Việt Nam trên

cơ sở phương pháp luận mácxít và quan điểm lập trường của giai cấp công nhân, vì lợi ích của nhân dân và Tổ quốc Việt Nam. Hiếm có một nhà lý luận mácxít nào, hơn nữa lại là lãnh tụ cộng sản đã có những nhận xét chính xác về các học thuyết lớn trong lịch sử tư tưởng nhân loại như Hồ Chí Minh.

Theo Hồ Chí Minh: “Học thuyết của Khổng tử có ưu điểm của nó là sự tu dưỡng đạo đức cá nhân, tôn giáo Giêsu có ưu điểm của nó là lòng nhân ái cao cả. Chủ nghĩa Mác có ưu điểm của nó là phương pháp làm việc biện chứng. Chủ nghĩa Tôn Dật Tiên có ưu điểm là chính sách của nó phù hợp với điều kiện nước ta”. Song Người cũng chỉ rõ rằng, đạo Phật, tôn giáo Giêsu, đạo Khổng đều là những học thuyết không cách mạng. Bởi vì, tuy các học thuyết đó rất giàu tình thương yêu con người, nhưng không vạch ra cho con người con đường tự giải phóng mà khuyên họ cam chịu, trói tộc họ trong trật tự đương thời, thậm chí còn phát ngôn bênh vực những kẻ bóc lột, chống lại những người bị áp bức. Phải có một tư duy rộng mở, không định kiến mới có những nhận xét sát thực như vậy. Ở thế kỷ XX, Hồ Chí Minh là người biết sử dụng các nhân tố hợp lý trong các học thuyết lớn của nhân loại làm cơ sở cho hệ thống lý luận của mình.

Thứ ba, hướng tới cái mới, cái tiến bộ, mở rộng tầm nhìn ra thế giới để tư duy.

Cái mới, cái tiến bộ là tài sản chung của nhân loại không thuộc sở hữu của riêng ai. Để nắm bắt được nó đòi hỏi mỗi người cần có vốn tri thức nhất định, nhất là để sử dụng, ứng dụng cái mới, cái tiến bộ vào cuộc sống thì vốn kiến thức càng phải phong phú, đa dạng và sâu rộng. Khi không đủ trình độ tiếp cận với cái mới, cái tiến bộ mà lại muốn sử dụng, ứng dụng nó sẽ dẫn đến làm hỏng cái mới và phá hoại cái hiện có. Hồ Chí Minh chỉ rõ: Sự ngu dốt này sẽ dẫn đến sự ngu dốt khác, hơn nữa dốt nát cũng là một thứ giặc, cũng là một kẻ địch cần phải tiêu diệt. Để chiến thắng sự dốt nát chỉ có con đường duy nhất là không ngừng học tập nâng cao trình độ mọi mặt của con người. Hồ Chí Minh nhiều lần căn dặn mọi người hãy nhớ lời Lênin: học, học nữa, học mãi. Đối với Hồ Chí Minh, học trong các trường chỉ là khởi đầu, cái ảnh hưởng lớn đến phong cách tư duy của Người là học trong trường đời. Hồ Chí Minh vừa hoạt động thực tiễn vừa tự học, vừa tổng kết kinh nghiệm để từng bước đi đến đỉnh cao của trí tuệ, của văn minh. Từ một người yêu nước, một người cộng sản, Hồ Chí Minh đã trở thành nhà văn hoá kiệt xuất của nhân loại thông qua con đường tự học là chủ yếu. Việc biết nhiều ngoại ngữ, trong đó có những tiếng thông thạo gần như tiếng mẹ đẻ đã giúp Hồ Chí Minh mở rộng tầm nhìn ra thế giới và nhìn suốt lịch sử văn hoá - văn minh nhân loại.

Ba nguyên tắc nêu trên có kết, gắn bó chặt chẽ với nhau, trong quá trình phát triển tư duy độc lập tự chủ sáng tạo của Hồ Chí Minh.

Phong cách tư duy độc lập, tự chủ sáng tạo Hồ Chí Minh cũng thể hiện rõ nét bản lĩnh của Người.

Qua phong cách tư duy Hồ Chí Minh ta thấy một bản lĩnh vững vàng, một tinh thần dũng cảm, dám chịu trách nhiệm trước kết quả tư duy của mình. Tư duy xơ cứng, giáo điều là xa lạ và Hồ Chí Minh, tự nhận và thật sự là học trò của Mác, Ăngghen, Lênin nhưng Hồ Chí Minh không tự trói mình và bắt mọi người phải tuân theo những

câu chữ của các nhà kinh điển mácxít. Trong lúc nhiều nhà lý luận mácxít ngại nói đến chủ nghĩa dân tộc, đồng nhất chủ nghĩa dân tộc với tư tưởng hẹp hòi, phản động, thì Hồ Chí Minh tư duy từ thực tế Việt Nam lại khẳng định: “Chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn của đất nước”. Người còn yêu cầu “phát động chủ nghĩa dân tộc bản xứ nhân danh Quốc tế Cộng sản”⁽¹⁰⁾.

Phong cách tư duy Hồ Chí Minh đã phản ánh đúng cuộc sống, phản ánh đúng cái bất biến trong sự vạn biến sôi động của cuộc sống, do vậy những tư tưởng, kết quả của tư duy Hồ Chí Minh không lạc hậu mà đã mở đường cho cuộc sống đi lên phía trước.

2.2. Phong cách diễn đạt

Mỗi người đều có phong cách diễn đạt tư tưởng của mình bằng ngôn ngữ nói và viết. Những bài nói, bài viết của Hồ Chí Minh là những căn cứ thuận lợi để tìm hiểu phong cách diễn đạt của Người.

2.2.1. Sức cuốn hút mạnh mẽ đối với người nghe và người đọc trong phong cách diễn đạt của Hồ Chí Minh là kết quả của sự kết hợp hài hoà cái dân gian với cái bác học, cái cổ điển, truyền thống với cái hiện đại, giữa phong cách phương Đông và phong cách phương Tây

Đây là nét đặc sắc trong phong cách diễn đạt của Hồ Chí Minh. Có được điều đó là do Hồ Chí Minh đi nhiều, đọc nhiều, tiếp xúc với nhiều tầng lớp, nhiều hạng người khác nhau ở những quốc gia khác nhau, tìm hiểu và học ở họ những cách diễn đạt đặc trưng nhất. Có tri thức uyên bác, nhưng không phải ai diễn đạt cũng cuốn hút được người nghe, người đọc nếu tâm hồn và trái tim họ không hài hoà đập cùng nhịp với người đọc, người nghe, không nói tiếng nói, không viết bằng văn phong của người đọc, người nghe.

2.2.2 Nguyên tắc nhất quán trong phong cách diễn đạt của Hồ Chí Minh là xác định rõ chủ đề, rõ đối tượng và mục đích cần truyền đạt, từ đó mà tìm cách nói, cách viết cho đúng chủ đề, phù hợp với đối tượng nhằm đạt mục tiêu đề ra

Hồ Chí Minh đặt cho mình và cũng yêu cầu mọi người thực hiện bốn vấn đề có liên quan chặt chẽ với nhau khi diễn đạt, đó là:

Nói, viết cái gì? Nói, viết cho ai? Nói, viết để làm gì? Nói viết như thế nào?

Trong bốn vấn đề trên thì “cái gì”, “cho ai”, “để làm gì” quyết định cách thể hiện “như thế nào?”.

Ngược lại, cách thể hiện, cách diễn đạt làm cho nội dung nói, viết đúng chủ đề, đối tượng và đạt được mục đích nói và viết. Nếu không xác định rõ chủ đề, đối tượng, mục đích và tìm được cách thể hiện phù hợp thì mọi bài nói, bài viết đều không có tác dụng.

2.2.3. Đặc điểm của phong cách diễn đạt Hồ Chí Minh

Thứ nhất, diễn đạt chân thực

Những bài nói, bài viết của Hồ Chí Minh bao giờ cũng đem lại cho người nghe, người đọc lượng thông tin cao và chính xác. Những tư liệu, sự kiện mà Người đề cập bắt nguồn từ thực tế cuộc sống đã được suy xét, kiểm tra, chọn lọc. Bằng những sự kiện, tư liệu đó, Hồ Chí Minh không phải lý giải dài dòng nhưng có sức thuyết phục cao đối với người nghe, người đọc.

Từ đặc điểm trong phong cách diễn đạt của mình, Hồ Chí Minh yêu cầu cán bộ, đảng viên khi nói và viết, “điều gì biết thì nói biết, không biết thì nói không biết. Không nên nói ầu”⁽¹¹⁾, viết “phải đúng sự thật, không được bịa ra”⁽¹²⁾, “Chưa điều tra, chưa nghiên cứu, chưa biết rõ chớ nói, chớ viết”, “khi không có gì cần nói, không có gì cần viết, chớ nói, chớ viết càn”⁽¹³⁾. Thiếu chân thực, giả dối trong nói và viết sẽ làm giảm niềm tin của quần chúng với cách mạng, làm cho lãnh đạo không thấy đúng tình hình để đề ra chủ trương giải pháp thích hợp; tạo điều kiện cho địch lợi dụng chống phá ta.

Thứ hai, diễn đạt ngắn gọn

Nói chung các bài nói, bài viết của Hồ Chí Minh đều ngắn gọn, nhiều ý tưởng lớn được khái quát như những châm ngôn. “Không có gì quý hơn độc lập tự do” là một ví dụ.

Theo Hồ Chí Minh, ngắn gọn có nghĩa là gọn gàng, có đầu có đuôi “có nội dung”, “thiết thực”, “thấm thía chắc chắn”.

Để có cách nói, cách viết ngắn gọn trước hết phải có tư duy mạch lạc, ngôn từ phong phú, vốn sống dồi dào, đồng thời cũng phải rèn luyện công phu. Không phải ngay khi sinh ra Hồ Chí Minh đã biết nói ngắn gọn mà phải thông qua quá trình tự học, tự rèn, thông qua những cuộc tranh luận, những buổi diễn thuyết v.v... Người mới có cách diễn đạt cô đọng, hàm súc, ý nhiều lời ít, không có lời thừa, chữ thừa.

Thứ ba, diễn đạt giản dị, trong sáng, dễ hiểu

Trong sáng trong văn phong và ý tưởng, giản dị trong trình bày thể hiện, dễ hiểu đối với mọi đối tượng nghe, đọc là đặc điểm các bài nói, bài viết của Hồ Chí Minh.

Muôn nói, viết được trong sáng, giản dị, dễ hiểu, theo Hồ Chí Minh trước hết phải học cách nói của quần chúng, mới lọt tai quần chúng. Vì “cách nói của dân chúng rất đầy đủ, rất hoạt bát, rất thiết thực, mà lại rất giản đơn”⁽¹⁴⁾. Hiểu dân, gần dân, học dân thường ngày và học trong ca dao, tục ngữ, trong dân gian, cổ tích mà Hồ Chí Minh có thể phổ thông hoá những vấn đề phức tạp đôi khi còn xa lạ với dân chúng, giản đơn hoá những vấn đề khó hiểu. Chính vì vậy mà tư tưởng của Người đến với mọi người, bằng những ngôn từ quen thuộc dễ hiểu, dễ nhớ, nhiều khi còn dễ thuộc vì có vần có nhạc trong văn.

Là một người đọc nhiều, hiểu rộng, biết nhiều ngoại ngữ nhưng khi nói, khi viết bao giờ Hồ Chí Minh cũng sử dụng một loại ngôn ngữ tùy theo đối tượng người nghe, người đọc. Đặc biệt nói và viết cho quần chúng nhân dân bao giờ Người cũng trở về với ngôn ngữ dân tộc, dùng cách nói của nhân dân. Người phê phán gay gắt những người ham dùng chữ, hay nói chữ, sính dùng chữ, tiếng nước ngoài.

2.3. Phong cách làm việc

Hồ Chí Minh đã từng làm nhiều việc để sống và hoạt động cách mạng, đảm nhận những trọng trách, công việc khác nhau của cách mạng Việt Nam và cách mạng thế giới. Điều mà Hồ Chí Minh quan tâm là lối làm việc của người cách mạng, của chiến sĩ cộng sản suốt đời chiến đấu cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người.

Do vậy, trong phong cách làm việc, Hồ Chí Minh lưu tâm trước hết đến phong cách công tác và phong cách lãnh đạo của cán bộ, đảng viên. Về mặt này, Người đã để lại cho chúng ta nhiều giáo huấn quan trọng với những nội dung phong phú. Dưới đây là những nội dung chủ yếu nhất:

2.3.1. Phong cách làm việc quần chúng

Đây là nội dung quan trọng hàng đầu của phong cách làm việc Hồ Chí Minh, được thể hiện bằng những hành động cụ thể:

- Sâu sát quần chúng, chú ý tìm hiểu tâm tư nguyện vọng của quần chúng, quan tâm đến mọi mặt đời sống của quần chúng.
- Tin vào dân, tôn trọng dân, chú ý lắng nghe ý kiến và giải quyết những kiến nghị chính đáng của dân, sẵn sàng tiếp thu ý kiến dân phê bình và kịp thời sửa chữa những khuyết điểm, thiếu sót.
- Giáo dục, lãnh đạo quần chúng, đồng thời không ngừng học hỏi quần chúng, tôn trọng quyền làm chủ của quần chúng theo tinh thần cán bộ vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ trung thành của nhân dân.
- Tự mình phải mẫu mực để xứng đáng với sự tin cậy của nhân dân.

Với phong cách như trên, Hồ Chí Minh đến với dân một cách tự nhiên, bình dị, quần chúng đến với Người cũng bình dị, tự nhiên, không chút e ngại như họ vẫn sống hàng ngày. Tác phong quần chúng đã làm cho Hồ Chí Minh và nhân dân, lãnh tụ và quần chúng hoà nhập, đồng cảm sâu sắc. Dân có thể nói hết suy nghĩ, trần trụi của mình với lãnh tụ, còn lãnh tụ có thể nghe được, hiểu được những gì mà cuộc sống đang đòi hỏi, mong chờ.

Theo Hồ Chí Minh, không chỉ quan hệ giữa cán bộ với dân mà quan hệ cán bộ với cán bộ, cấp trên với cấp dưới cũng cần thiết phải có tác phong quần chúng. Đối với người lãnh đạo cấp trên, việc hiểu dân và hiểu cấp dưới đều quan trọng như nhau. Hiểu được dân và hiểu được cấp dưới người lãnh đạo cấp trên càng hiểu được chính mình.

2.3.2. Phong cách làm việc tập thể, dân chủ

Là người đứng đầu Đảng cầm quyền, đứng đầu Nhà nước dân chủ, ở đỉnh cao của quyền lực nhưng Hồ Chí Minh thường xuyên có phong cách làm việc tập thể và dân chủ. Gắn bó với tập thể, tôn trọng tập thể, phát huy sức mạnh của tập thể là phương châm chỉ đạo suy nghĩ và hành động của Hồ Chí Minh.

Chuyên quyền, độc đoán là rất xa lạ đối với Hồ Chí Minh. Nhiều lần Người đã phê bình cách lãnh đạo của một số cán bộ không dân chủ, do đó mà người có ý kiến không dám nói, người muốn phê bình không dám phát biểu “không phải họ không có gì nói, nhưng vì họ *không dám nói, họ sợ*”⁽¹⁵⁾.

Hồ Chí Minh trân trọng ý kiến của mọi người không phân biệt chức vụ, cấp bậc. Đảng cấp, gia trưởng không bao giờ có ở Hồ Chí Minh. Người đã chuyển nhiều bài viết của mình cho các đồng chí lãnh đạo chủ chốt đọc và góp ý kiến trước khi công bố. Người trao đổi với các đồng chí phục vụ những bài báo ngắn để sửa chữa những chỗ viết còn khó hiểu trước khi đăng.

Hồ Chí Minh luôn đòi hỏi cán bộ, đảng viên trước hết là những người lãnh đạo phải có tác phong tập thể dân chủ thực sự. Bởi vì, mọi sự giả tạo đều làm suy yếu, thậm chí phá vỡ tập thể, mọi thói hình thức chủ nghĩa sớm muộn sẽ làm xói mòn, thậm chí triệt tiêu dân chủ.

2.3.3. Phong cách làm việc khoa học

Hồ Chí Minh yêu cầu cán bộ, đảng viên phải xây dựng cho mình “cách làm việc khoa học” trong công tác, trong lãnh đạo. Bởi vì họ đều xuất thân từ một nước với những tàn dư của một nền sản xuất nhỏ, nông nghiệp lạc hậu, làm việc theo lối “thủ công nghiệp”, với hàng loạt thói quen thiếu khoa học như: tự do, tùy tiện, gặp chướng hay chớ, thiếu kế hoạch, thiếu điều tra nghiên cứu, thiếu ngăn nắp trật tự, luộm thuộm, lè mề, chậm chạp, không coi trọng thời gian, không cụ thể, không thiết thực, bảo thủ, trì trệ, thiếu nhìn xa trông rộng...

Phong cách làm việc khoa học của Hồ Chí Minh thể hiện chủ yếu ở những điểm sau:

- Làm việc cần phải “đi sâu, đi sát, điều tra, nghiên cứu” nắm việc, nắm người, nắm tình hình cụ thể.
- Làm việc phải có mục đích rõ ràng, tập trung; chương trình kế hoạch đặt ra phải sát hợp. Hồ Chí Minh giải thích: “*Đích* nghĩa là nhằm vào đó mà bắn. Nhiều đích quá thì loạn mắt, không bắn trúng đích nào”⁽¹⁶⁾.
- Làm việc phải kiểm tra việc thực hiện của cấp dưới và quần chúng.
- Lãnh đạo phải cụ thể, phải kịp thời, phải thiết thực, phải có trọng điểm, phải nắm điển hình; cần phải lãnh đạo toàn diện và cụ thể. Người lãnh đạo phải óc nghĩ, mắt trông, tai nghe, chân đi, miệng nói, tay làm, phải cẩn thận mà nhanh nhẹn kịp thời, làm đến nơi đến chốn. Hồ Chí Minh phê phán kiểu làm cho có chuyện, làm được ít, xuýt ra nhiều để làm một bản báo cáo cho oai, nhưng xét kỹ lại thì rỗng tuếch.
- Phải thường xuyên chú ý rút kinh nghiệm, tổng kết thực tiễn. Sau mỗi việc cần phải rút kinh nghiệm. Kinh nghiệm riêng từng cán bộ, từng địa phương, kinh nghiệm chung tất cả các cán bộ, các địa phương, kinh nghiệm thất bại và kinh nghiệm thành công, để học những kinh nghiệm hay, tránh những kinh nghiệm dở, áp dụng những kinh nghiệm cũ vào những công việc mới⁽¹⁷⁾.

Ở Hồ Chí Minh, phong cách làm việc quần chúng, tập thể dân chủ, khoa học, gắn bó chặt chẽ với nhau, tạo thành một phong cách làm việc rất hiện đại. Phong cách

đó đã cần thiết cho đội ngũ cán bộ, đảng viên trong quá khứ mà càng cần thiết cho họ trong điều kiện mở cửa, thực hiện cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa hiện nay.

2.4. Phong cách ứng xử

Phong cách ứng xử của mỗi người được biểu hiện qua ngôn từ, cử chỉ, phong thái và phong độ của con người. Nó bắt nguồn từ nhân cách, trình độ hiểu biết, khí chất, vốn sống và bản lĩnh chính trị của họ. Mỗi người có phong cách ứng xử riêng tùy thuộc môi trường, hoàn cảnh sống và địa vị xã hội.

Hồ Chí Minh giao tiếp với nhiều đối tượng khác nhau, ở nhiều địa bàn khác nhau. Tùy theo đối tượng và địa bàn mà Người có cách ứng xử thích hợp. Trong phong cách ứng xử Hồ Chí Minh, nổi trội vẫn là cách ứng xử của một nhà chính trị chuyên nghiệp, một nhà văn hoá kiệt xuất. Ở Hồ Chí Minh chính trị và văn hoá hoà quyện với nhau, chính trị mang tính văn hoá và văn hoá có tính chính trị.

Đặc trưng cơ bản của phong cách ứng xử Hồ Chí Minh là phong cách ứng xử văn hoá. Ứng xử văn hoá Hồ Chí Minh thể hiện trước hết ở ngôn từ, cử chỉ Người dùng thích hợp và đúng với đối tượng giao tiếp.

Qua phong cách ứng xử của Hồ Chí Minh ta thấy đó là con người ân cần, niềm nở, tự nhiên, luôn có sự hoà đồng giữa lãnh tụ với thường dân, giữa chủ với khách. Với nhân dân, anh em, bè bạn đồng chí, đồng bào, phong cách ứng xử của Hồ Chí Minh bình dị, khiêm nhường, không tự đặt mình cao hơn người khác, mặc dù Người uyên bác về trình độ, vĩ đại trong sự nghiệp cứu nước, cứu dân, giải phóng con người, có quyền cao chức trọng trong xã hội. Người sẵn sàng xưng cháu với cụ Phụng Lục, giả làm ngựa cho trẻ em cưỡi chơi... Càng khiêm nhường, Hồ Chí Minh càng được nhân dân kính trọng, tin cậy.

Với kẻ thù của cách mạng hay những người ở phía bên kia, phong cách ứng xử của Hồ Chí Minh là tự chủ và lịch lãm, bình tĩnh và đĩnh đạc, chủ động và tinh táo để vượt qua mọi cạm bẫy, đẩy lùi mọi đòn tiến công hiểm độc và mọi thủ đoạn xảo trá của đối phương. Phong cách đó đòi hỏi một sự tinh tế cao trong từng lời, từng chữ, từ cái nhìn đến bước đi, thế đứng, từ cái vẫy tay đến cái bắt tay đúng lúc, đúng kiểu...

Phong cách ứng xử Hồ Chí Minh chứa đựng những giá trị nhân bản của con người. Yêu thương, quý mến, trân trọng con người, hướng con người tới chân, thiện, mỹ. Khi cần nhắc nhở, Người không quên chỉ vẽ tận tình, khi cần phê bình, Người rất nghiêm khắc, nhưng rất rộng lượng, bao dung mà không bao che, nhằm nâng con người lên chứ không hạ thấp, vùi dập con người.

2.5. Phong cách sinh hoạt

Đã có biết bao nhiêu lời ca ngợi phong cách sinh hoạt của Hồ Chí Minh. Đó là sự giản dị, trong sạch, thanh cao, cách sống chừng mực, điều độ, ngăn nắp, yêu lao động, quý trọng thời gian. Đó còn là tình yêu thương con người hoà quyện với tình yêu thiên nhiên, tạo nên tinh thần lạc quan của người chiến sĩ kết hợp chặt chẽ với những rung động, say mê của một tâm hồn nghệ sĩ.

Hồ Chí Minh có cuộc sống đời thường đa dạng và phong phú. Người đã sống cuộc sống của người thợ, người thủy thủ, nhà văn, nhà báo, nhà giáo, học viên, người lính trong chiến tranh, người chiến sĩ cách mạng hoạt động bí mật, người tù, nhà chính khách, nhà ngoại giao và nhiều năm là nguyên thủ quốc gia. Dù với cuộc đời nào và sống như thế nào, phong cách sinh hoạt của Hồ Chí Minh vẫn giữ đúng nguyên tắc: lấy khiêm tốn giản dị làm nền, lấy chừng mực điều độ làm chuẩn, lấy trong sạch, thanh cao làm vui, lấy gắn bó giữa con người, với thiên nhiên làm niềm say mê vô tận.

Phong cách sinh hoạt của Hồ Chí Minh đã làm cho Người trở thành người toàn vẹn, với cuộc sống trọn vẹn từ khi bước vào đời đến lúc về nơi vĩnh hằng. Để trở thành một người toàn vẹn đã khó (vĩ đại trong những việc lớn, cao thượng ở những việc nhỏ hàng ngày) thì việc trở thành người trọn vẹn lại càng khó hơn. Hồ Chí Minh đã có lời khuyên cáo: “Một dân tộc, một đảng và mỗi con người, ngày hôm qua là vĩ đại, có sức hấp dẫn lớn không nhất định hôm nay và ngày mai vẫn được người yêu mến và ca ngợi, nếu lòng dạ không trong sáng nữa, nếu sa vào chủ nghĩa cá nhân”⁽¹⁸⁾.

III. HỌC TẬP, VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP VÀ PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH TRONG SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI

Phát biểu tại lễ bế mạc Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương khoá IX, Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh chỉ rõ: “Xây dựng tác phong sâu sát cuộc sống, gần gũi nhân dân theo phong cách Hồ Chí Minh là tinh thần toát lên trong chế độ làm việc và phương pháp công tác của bản Quy chế vừa được thông qua”⁽¹⁹⁾. Quan điểm của đồng chí Tổng Bí thư thể hiện rõ nhận thức và quyết tâm học tập, vận dụng phương pháp và phong cách Hồ Chí Minh từ Bộ Chính trị, Ban Chấp hành trung ương đến từng cán bộ, đảng viên của Đảng.

Học tập, vận dụng phương pháp và phong cách Hồ Chí Minh là một lĩnh vực rộng lớn, phong phú, đa dạng. Do vậy, mỗi người, trước hết là những cán bộ, đảng viên trên mọi lĩnh vực hoạt động, công tác của mình cần có ý thức và quyết tâm *thực hành* phương pháp, phong cách Hồ Chí Minh một cách thiết thực nhất.

1. Cần có sự thống nhất giữa tư tưởng và hành động, quyết tâm đưa nghị quyết của Đảng vào cuộc sống

Đại hội IX của Đảng một lần nữa khẳng định “cái bất biến” của cách mạng Việt Nam là con đường phát triển đất nước gắn độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội. Đại hội IX của Đảng đã làm sáng tỏ hơn nội dung của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta với cơ sở kinh tế và kiến trúc thượng tầng tương ứng. Đại hội đã đề ra đường lối đầy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước trong những năm tới, chỉ rõ phương hướng cơ bản xây dựng mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xác định phương hướng chủ động hội nhập kinh tế quốc tế trên cơ sở phát huy nội lực, tranh thủ có hiệu quả các nguồn lực bên ngoài, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. Hiện nay, hơn lúc nào hết, mỗi người và toàn Đảng, toàn dân cần quán triệt phương pháp “dĩ bất biến, ứng vạn biến” của Hồ Chí Minh, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Việc thực hiện sự thống nhất giữa tư tưởng và hành động, giữa lý luận và thực tiễn, lời nói và việc làm hàm chứa sự kết hợp hài hoà giữa nhiệt tình cách mạng, đạo đức cách mạng với tư duy khoa học, vốn thực tiễn ở mỗi con người. Để đạt được các yêu cầu đó, mỗi cán bộ, đảng viên cần có những điều kiện sau:

- Phải thực hiện đầy đủ yêu cầu học lý luận theo chỉ thị của Đảng đối với từng cán bộ, đảng viên phù hợp cương vị của mình. Tuy mức độ rộng, hẹp khác nhau, nhưng phải nắm vững những nguyên lý lý luận, không được coi lý luận là những công thức có sẵn mà là kim chỉ nam hành động.
- Phải phân tích sâu sắc, toàn diện và tính toán kỹ lưỡng các quá trình, hiện tượng nảy sinh trong đời sống kinh tế - xã hội. Phát hiện những cái mới, những mối quan hệ và quy định lẫn nhau của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.
- Phải có tính nhất quán và kiên quyết bảo vệ những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, song phải đề phòng rơi vào chủ nghĩa giáo điều, xét lại.
- Phải hết sức linh hoạt, năng động nhưng không sa vào chủ nghĩa cơ hội, chủ nghĩa thực dụng, vô nguyên tắc.
- Phải mạnh dạn, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm trước quyết định và hành động của mình.
- Phải yêu cầu được thông tin và tự tìm hiểu, nắm chắc những thông tin chân thật, chính xác làm dữ liệu cho những quyết định và hành động của mình.

2. Đi sâu, đi sát thực tế, dựa vào quần chúng

Hồ Chí Minh và các nhà kinh điển mácxít đều khẳng định cách mạng là sự nghiệp của quần chúng. Sự nghiệp cách mạng của Đảng thành công hay thất bại phụ thuộc vào nhiều yếu tố, trong đó việc cán bộ, đảng viên của Đảng có tập hợp và lôi kéo được quần chúng tích cực tham gia phong trào cách mạng hay không là một nhân tố hàng đầu.

Việc cán bộ, đảng viên liên hệ mật thiết với quần chúng không chỉ là vấn đề đạo đức mà là vấn đề có tính nguyên tắc trong xây dựng phương pháp và phong cách lãnh đạo. Hồ Chí Minh khái quát tác phong sâu sát quần chúng của cán bộ, đảng viên bằng 12 chữ: “óc nghĩ, mắt trông, tai nghe, chân đi, miệng nói, tay làm”.

Hồ Chí Minh còn đòi hỏi cán bộ đi thực tế phải ba cùng với dân, “phải nằm ở cơ sở chỉ đạo phong trào, đừng đi cơ sở theo kiểu chuồn chuồn đập nước”. Nếu không vì những bí mật quốc gia thì chính sách, chủ trương của Đảng và Nhà nước phải cho dân biết, để dân bàn, tổ chức dân làm và huy động nhân dân tham gia kiểm tra. Làm được như vậy chất lượng cán bộ được tăng cường, uy tín của Đảng được củng cố, vai trò quản lý xã hội của Nhà nước được nâng cao.

3. Thực hành dân chủ rộng rãi

Dân chủ và thực hành dân chủ rộng rãi là nét đặc sắc trong phương pháp và phong cách Hồ Chí Minh. Học tập phương pháp và phong cách Hồ Chí Minh về dân chủ cần chú ý mấy vấn đề sau:

- Dân chủ trước hết là quyền làm chủ đất nước, làm chủ vận mệnh dân tộc. Mọi mưu toan phá hoại, cản trở việc thực hiện mục tiêu trên đều là chống lại dân chủ của nhân dân ta.

- Dân chủ gắn với đoàn kết. Dân chủ của ta là sự phản ánh thành công của chiến lược đại đoàn kết. Thực hiện dân chủ thì đoàn kết càng tăng. Đoàn kết rộng rãi, vững chắc thì càng có điều kiện phát huy dân chủ. Đại hội IX của Đảng nhấn mạnh: “Xây dựng khối đoàn kết dân tộc gắn với việc phát huy dân chủ trong đời sống xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng. Thực hiện dân chủ trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội ở tất cả các cấp, các ngành”⁽²⁰⁾ để tăng cường đoàn kết.

- Dân chủ đi đôi với tập trung. Dân chủ đi liền với kỷ luật, kỷ cương, tránh dân chủ hình thức, dân chủ quá trớn. Thực hiện đúng nghị quyết Đại hội IX của Đảng: “Phát huy dân chủ đi đôi với giữ vững kỷ luật, kỷ cương, tăng cường pháp chế, quản lý xã hội bằng pháp luật, tuyên truyền, giáo dục toàn dân nâng cao ý thức chấp hành pháp luật”⁽²¹⁾.

Chú thích:

* Theo Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh, Nxb Chính trị - Hành chính, H.2011.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, H.2000, t.8, tr.227.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.2, tr.262.
3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.8, tr.261.
4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.5, tr.295.
5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.12, tr.212.
6. T. Lan: *Vừa đi đường vừa kể chuyện*, Nxb. Sự thật, 1994, tr. 15.
7. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.12, tr.108.
8. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.2, tr.455.
9. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.463.
10. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.5, tr.366.
11. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.1, tr.466-467.
12. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.6, tr.78.
13. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.12, tr.559.
14. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.5, tr.302.
15. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.5, tr.301.
16. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.5, tr.280.
17. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.5, tr.374,304.
18. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.5, tr.304.

19. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.12, tr.557-558.

20. *Tạp chí Cộng sản*, số 17, tháng 9-2001, tr.8.